

# TỔNG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN NĂM 2011 VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC



TRẦN QUỐC LỢI  
*Cục Thống kê Quảng Bình*

**T**hực hiện Quyết định số 1785/QĐ-TTg ngày 27/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011, ngày 16/02/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 292/QĐ-UBND thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) tỉnh và Chỉ thị số 06/CT-UBND về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đến nay, cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh đã thành công tốt đẹp, được BCĐ Trung ương nghiệm thu xếp loại giỏi. Ban chỉ đạo tỉnh đã hoàn thành công tác bàn giao phiếu cho Trung tâm Tin học Thống kê khu vực III Đà Nẵng đúng quy định của BCĐ Trung ương.

Toàn tỉnh đã thành lập 163 BCĐ các cấp (cấp tỉnh 1, cấp huyện 7, cấp xã 155); có 4 phường, thị trấn không đủ điều kiện thành lập BCĐ. Công tác phân chia địa bàn và lập bảng kê các đơn vị điều tra thực hiện đúng quy trình,

toàn tỉnh có 1.574 địa bàn điều tra phiếu toàn bộ. Toàn tỉnh đã huy động tập 1.622 điều tra viên và 421 tổ trưởng, tổ chức 57 lớp tập huấn (8 lớp tập huấn lập bảng kê và 49 lớp tập huấn nghiệp vụ điều tra). Công tác tuyên truyền được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp thực sự quan tâm. Mọi tầng lớp nhân dân đã nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của cuộc Tổng điều tra, từ đó cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác, góp phần thực hiện thành công cuộc Tổng điều tra trên địa bàn tỉnh.

### **Kết quả cuộc Tổng điều tra:**

- Kết quả điều tra 1.574 địa bàn toàn bộ hộ khu vực nông thôn và hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản khu vực thành thị cho thấy: số hộ điều tra năm 2011 là 187.959 hộ, so với năm 2006 tăng 12,49%, bình quân hàng năm tăng 2,99%. Xu hướng di chuyển nhân khẩu, đặc biệt là nhân khẩu trong độ tuổi lao động ra khỏi địa bàn tỉnh ở khu vực nông thôn ngày càng tăng: Năm 2011, nhân khẩu bình quân 1 hộ có 3,83 người, so với

năm 2006 giảm 0,48 người; lao động bình quân 1 hộ có 2,15 người, so 2006 giảm 0,18 người. Cơ cấu ngành nghề ở khu vực nông thôn chuyển dịch đúng hướng: Năm 2006, tỷ trọng hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 76,71%; năm 2011 chỉ còn 64,64%, giảm 12,07%. Nhiều hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản đã mạnh dạn mở rộng nhiều ngành sản xuất khác, do đó mức độ phụ thuộc vào nguồn thu nhập chính từ nông, lâm nghiệp và thủy sản ngày càng giảm, nhiều ngành tuy đầu tư ít lao động nhưng có thu nhập cao hơn: Năm 2011 tỷ lệ hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 64,64%, nhưng chỉ có 55,28% số hộ có nguồn thu nhập chính từ nông, lâm nghiệp và thủy sản, còn lại 9,36% có nguồn thu nhập chính từ các ngành phi nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tuy nhiên, tốc độ tăng các loại hộ ở khu vực nông thôn không đồng đều, các loại hộ có tốc độ tăng cao trong mỗi năm là hộ xây dựng tăng 37,96%; hộ lâm nghiệp tăng 26,99%. Các loại hộ có tốc độ tăng khá là hộ dịch vụ khác tăng 16,05%; hộ vận tải tăng 14,52%; hộ khác tăng 14,5%; hộ công nghiệp tăng 9,68%. Các loại hộ có tốc độ tăng chậm là hộ thương nghiệp tăng 6,84%; hộ thủy sản tăng 1,06%. Riêng hộ nông nghiệp giảm 2,1%. Chuyển dịch cơ cấu ngành nghề ở nông thôn thiếu định hướng, còn tự phát và phụ thuộc phần lớn vào yếu tố khách quan nên chưa bền vững.

Do lợi thế về tự nhiên nên sản xuất lâm nghiệp phát triển khá nhanh cả về quy mô hộ và cơ cấu: Năm 2006 có 1.488 hộ, chiếm 0,93%; năm 2011 có 3.870 hộ, chiếm 2,14% tổng số hộ. Ngược lại, ngành thủy sản do mấy năm gần đây gặp khó khăn nên đã phát triển chậm, quy mô số hộ tăng không đáng kể, cơ cấu chuyển dịch giảm, biểu hiện thiếu tính ổn định: Năm 2006 có 12.938 hộ, chiếm 8,07%; năm 2011 có 13.496 hộ, chiếm 7,45% tổng số hộ...

- Kết quả điều tra trang trại theo tiêu chí mới có số lượng giảm nhiều. Toàn tỉnh hiện có 531 trang trại. Trong đó, có 288 trang trại trồng trọt, chủ yếu là trang trại cao su; 41 trang trại chăn nuôi; 10 trang trại lâm nghiệp; 55 trang trại nuôi trồng thủy sản; 137 trang trại tổng hợp. Nhìn chung, trang trại hiện có được xác định theo tiêu chí mới nên có quy mô lớn, mức bình quân của 1 trang trại tăng cao, như: Lao động bình quân 3,5 người/trang trại, tăng 0,9 người so năm 2006 và tăng 1,2 người so năm 2010; tổng giá trị thu được bình quân 877 triệu đồng/trang trại, tăng cao so với các năm trước.

- Kết quả tính toán một số chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng của xã đã khẳng định năm 2011, 100% xã đã có hệ thống điện, tỷ lệ thôn có điện là 95,3%, tăng 2,3% so năm 2006. Đường giao thông nông thôn được xây dựng mới và nâng cấp ở nhiều địa phương trong tỉnh, hiện có 140/141 xã có đường ô tô đến trụ sở UBND xã, chiếm 99,3% (chỉ còn xã Ngư Hoá - huyện Tuyên Hoá); có 92,2% trục đường từ trung tâm huyện đến các xã đã được bê tông hoá, tăng 68,8% so năm 2006; số thôn có đường xe ô tô đến được là 1.027/1.095 thôn, chiếm tỷ lệ 93,8%. Phong trào làm đường giao thông nông thôn theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm phát triển mạnh mẽ, có nhiều xã đường liên thôn, liên xóm được đổ bê tông 100%. Hệ thống trường học ở nông thôn được tăng cường, 100% xã có trường mầm non (năm 2006 là 97,9%); 100% xã có trường tiểu học; 97,2% xã có trường trung học cơ sở (năm 2006 là 93,6%). Hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ ở nông thôn được chú trọng, 100% xã có trạm y tế, trong đó có 100/141 (70,9%) trạm đạt chuẩn quốc gia, có 1.047/1.095 thôn có cán bộ y tế, chiếm 95,6% (năm 2006 là 93,8%). Mạng lưới chợ nông thôn được duy trì, củng cố và phát

triển, có 106/141 xã có chợ, chiếm 75,2% (năm 2006 là 72,3%). Đời sống tinh thần và vệ sinh môi trường được cải thiện, có 117/141 xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, chiếm 82,9%; 111/141 xã có điểm bưu điện văn hóa/trạm bưu điện, chiếm 78,7% (năm 2006 là 64,5%); 48/141 xã có nhà văn hoá, chiếm 34% (năm 2006 là 29,8%); 914/1.095 thôn có nhà văn hoá, chiếm 83,5% (năm 2006 là 61,8%); 62/141 xã có sân thể thao, chiếm 44%; 293/1.095 thôn có sân thể thao, chiếm 26,8%; 137/141 xã có tủ sách pháp luật, chiếm 97,2% (năm 2006 là 95,7%); 87/141 xã có hệ thống truyền thanh đến thôn, chiếm 61,7%; 868/1.095 thôn có hệ thống truyền thanh, chiếm 79,3%; 45/141 xã có tổ chức thu gom rác thải, chiếm 31,9% (năm 2006 là 22,7%); 270/1.095 thôn có tổ chức thu gom rác thải, chiếm 24,7%. Vấn đề hỗ trợ cho sản xuất được quan tâm hơn trước, có 137/141 xã có cán bộ khuyến nông, chiếm 97,2% (năm 2006 là 94,3%); 73/1.095 thôn có cộng tác viên khuyến nông, chiếm 6,7% (năm 2006 là 6,4%); 17/141 xã có quỹ tín dụng nhân dân, chiếm 12,1%...

- Kết quả điều tra kinh tế hộ nông thôn (điều tra hộ mẫu) của 34 địa bàn với 1.020 hộ để thu thập những thông tin, nhằm đánh giá mức tích lũy, khả năng huy động vốn và các vấn đề khác thuộc khu vực nông thôn cho thấy: lượng vốn vay cho sản xuất kinh doanh tăng nhanh, năm 2011 mức vay bình quân 1 hộ là 12.404 ngàn đồng, so năm 2006 tăng 9.299 ngàn đồng, trong đó vay cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 3.500 ngàn đồng, chiếm 28,2%. Mức vay bình quân hộ năm 2011 và so năm 2006 như sau: Hộ nông nghiệp 10.603 ngàn đồng, tăng 8.723 ngàn đồng; hộ lâm nghiệp 13.774 ngàn đồng, tăng 8.841 ngàn đồng; hộ thủy sản 22.923 ngàn đồng, tăng 17.667 ngàn đồng; hộ công nghiệp

11.182 ngàn đồng, tăng 7.244 ngàn đồng; hộ xây dựng 24.920 ngàn đồng, tăng 22.945 ngàn đồng; hộ thương nghiệp 20.000 ngàn đồng, tăng 13.760 ngàn đồng; hộ vận tải 22.521 ngàn đồng, tăng 11.721 ngàn đồng; hộ dịch vụ khác 11.803 ngàn đồng, tăng 10.911 ngàn đồng và hộ khác 1.031 ngàn đồng. Tích lũy vốn khu vực nông thôn ngày càng cao và đủ năng lực để thanh toán tiền vay, năm 2011, tích lũy bình quân 1 hộ là 14.687 ngàn đồng (mức vay bình quân 12.404 ngàn đồng), so năm 2006 tăng 7.248 ngàn đồng. Tuy nhiên, mức tích lũy của hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản còn thấp hơn các loại hộ khác. Mức tích lũy bình quân hộ năm 2011 và so năm 2006 như sau: Hộ nông nghiệp 9.459 ngàn đồng, tăng 4.893 ngàn đồng; hộ lâm nghiệp 10.340 ngàn đồng, tăng 5.150 ngàn đồng; hộ thủy sản 15.054 ngàn đồng, tăng 3.955 ngàn đồng; hộ công nghiệp 14.895 ngàn đồng, tăng 5.218 ngàn đồng; hộ xây dựng 26.426 ngàn đồng, tăng 18.317 ngàn đồng; hộ thương nghiệp 57.610 ngàn đồng, tăng 43.403 ngàn đồng; hộ vận tải 19.074 ngàn đồng, tăng 1.654 ngàn đồng; hộ dịch vụ khác 28.779 ngàn đồng, tăng 19.317 ngàn đồng; hộ khác 3.913 ngàn đồng.

Các thông tin từ kết quả tổng điều tra đã phân nào phản ánh được hai vấn đề cơ bản hiện nay: *thứ nhất*, thực trạng về sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, tình hình phát triển kinh tế trang trại ở khu vực thành thị và nông thôn; *thứ hai*, thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành nghề và nguồn thu nhập chính, kết quả đầu tư xây dựng mới và củng cố cơ sở hạ tầng, kết quả tích lũy và khả năng huy động vốn trong dân cư ở khu vực nông thôn trong thời kỳ 2006-2011. Qua đó cho thấy tình hình hộ nông thôn, nông nghiệp và thủy sản ở tỉnh ta đã có bước chuyển biến rõ rệt.

T.Q.L